

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÙ
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày 17 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nguyễn Khắc Hà và ông Tô Sỹ Thái;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2020/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 20/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn H, sinh năm 1999; nơi sinh và đăng ký HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H1 và bà Phùng Thị X; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/12/2017 bị Công an huyện phù Cù xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trong người dao, gây nhằm mục đích gây thương tích và ngày 08/7/2020 Bùi Văn H bị Công an huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương khởi tố về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; tạm giữ từ ngày 25/03/2020 đến ngày 03/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (*trong vụ án trộm cắp tài sản do cơ quan pháp luật huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên giải quyết*); hiện bị cáo Bùi Văn H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương (*trong vụ án tàng trữ trái phép chất ma túy do cơ quan pháp luật huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giải quyết*) “có mặt tại phiên tòa”.

2. Nguyễn Văn K, (tên gọi khác: T), sinh năm 1977; nơi sinh và đăng ký HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12 (*tại phiên tòa K khai lớp 5/12*); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị T1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm

tù về Tội hủy hoại rừng (đã chấp hành xong); bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

3. Nguyễn Văn T2, sinh năm 2000; nơi sinh và đăng ký HKTT: Thôn T3, xã T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12 (*tại phiên tòa T2 khai lớp 11/12*); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 (đã chết) và bà Đặng Thị V1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

4. Trần Văn C, sinh năm 2000; nơi sinh và đăng ký HKTT: Thôn T5, xã P1, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H2 và bà Nguyễn Thị T6; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

- Bị hại:

1. Ông Trần Văn K1, sinh năm 1971; trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện P, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

2. Bà Nông Thị C1, sinh năm 1961; trú tại: Thôn T7, thị trấn T8, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

3. Ông Đỗ Văn T9, sinh năm 1979; trú tại: Thôn N, xã M1, huyện P, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

4. Ông Phạm Văn T16, sinh năm 1961; trú tại: Thôn A, xã T10, huyện P, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

1. Ông Nguyễn Huy K2, sinh năm 1963; trú tại: Thôn Đ2, xã Đ3, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

2. Bà Doãn Thị T11, sinh năm 1967; trú tại: Thôn Đ2, xã Đ3, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Thế M2, sinh năm 1979; trú tại: Thôn C2, xã T12, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

2. Ông Nguyễn Văn T13, sinh năm 1970; trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 03/2020, các đối tượng gồm: Bùi Văn H, sinh năm 1999 ở thôn A, xã Đ; Nguyễn Văn K (tên gọi khác là: T) sinh năm 1977 ở thôn D, xã Đ; Nguyễn Đăng T14, sinh năm 1989 ở thôn H3, xã Đ; Nguyễn Văn T2, sinh năm 2000 ở thôn T3, xã T4 và Trần Văn C, sinh năm 2000 ở thôn T5, xã P1 (đều thuộc huyện P, tỉnh Hưng Yên) đã thực hiện

một số vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện P, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Vụ 1 và vụ 2: Đêm ngày 10 sang ngày 11/01/2020, Nguyễn Văn K một mình điều khiển xe máy điện của K đi từ nhà mang theo kim điện và bao tải đến xã Đ3, huyện P để trộm cắp tài sản. Khi K đi đến khu chuồng chăn nuôi ngan của gia đình ông Trần Văn K1 ở thôn Đ1, xã Đ3 nên K đã dùng kim điện cắt hàng rào thép B40 ở bên ngoài để vào chuồng bắt trộm đầy 02 bao tải ngan pháp của gia đình ông K1. Sau đó K dùng xe máy điện chở 02 bao tải ngan về nhà ông Nguyễn Huy K2 ở thôn Đ2, xã Đ3, huyện P cân bán 02 bao tải ngan trên được 75 kg ngan và K đã bán hết số ngan này cho ông K2 được nhận số tiền 3.000.000 đồng K hưởng tất.

Sau khi cân bán ngan cho ông K2 xong, K gọi điện thoại rủ Bùi Văn H tiếp tục đi bắt trộm ngan của gia đình ông K1 được H đồng ý và rủ Trần Văn C là bạn ở thôn T5, xã P1, huyện P đi trộm cắp tài sản cùng H để lấy tiền trừ vào khoản tiền 1.000.000 đồng mà C nợ H trước đó nên C đồng ý và hẹn gặp nhau tại thôn Đ2, xã Đ3, huyện P để cùng đi trộm cắp tài sản. C điều khiển xe mô tô biển số 34F1-090.53 của H chở H ngồi sau, còn K đi xe máy điện của K. Cả ba người trên mang theo bao tải đi đến chuồng nuôi ngan của gia đình ông K1 tại thôn Đ1, xã Đ2 để bắt trộm ngan. Khi đi đến vị trí gần chuồng ngan, C đứng ngoài trông xe và canh giới, còn K và H đi vào chuồng ngan bắt trộm được 02 bao tải ngan rồi cùng bê ra xe chỗ C đứng đợi. Tại đây, K cho 02 bao tải ngan lên xe máy của H và một mình K chở ngan về nhà ông Nguyễn Huy K2 cân 02 bao ngan này được 40 kg ngan. Sau đó, K quay lại chuồng ngan nhà ông K1 chỗ H, C đang đợi. Trong lúc K chở ngan về cân cho ông K2 thì H và C ở lại vào trong chuồng ngan bắt tiếp được 01 bao tải ngan của gia đình ông K1. Khi K đến nơi, H và C cũng vừa mang bao tải đầy ngan ra ngoài. K điều khiển xe máy điện chở bao tải ngan, còn H và C đi xe máy phía sau. Cả ba người mang ngan về nhà ông K2. C ngồi phía trên nhà uống nước, còn K, H và ông K2 về phía sau nhà cân bao tải ngan mang về sau được 36 kg ngan. Sau khi bán 03 bao tải ngan bắt lần sau được tổng khối lượng 76 kg ngan cho ông K2 được số tiền 3.100.000 đồng thì K, C được chia mỗi người 1.000.000 đồng, riêng H được chia số tiền 1.100.000 đồng. Do trước đó C nợ H 1.000.000 đồng nên H cầm luôn số tiền 1.000.000 đồng của C được chia để trừ nợ.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐ ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 75 kg ngan đực, giống ngan pháp, có bộ lông màu trắng, có mào đỏ tại thời điểm ngày 11/01/2020 có giá trị là 5.250.000 đồng và 76 kg ngan đực, giống ngan pháp, có bộ lông màu trắng, có mào đỏ tại thời điểm ngày 11/01/2020 có giá trị là 5.320.000 đồng.

Vụ 3: Đêm ngày 03 sang ngày 04/02/2020, Nguyễn Văn K gặp Bùi Văn H tại ngã tư Phố C3, thị trấn T8, huyện P. Tại đây, K rủ H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. K cùng H đi đón Nguyễn Văn T2 trú tại thôn T4, xã T4, huyện P ở khu đường bờ sông thuộc thị trấn T8, huyện P. Khi cả 3 gặp nhau, T2 điều khiển xe mô tô biển số 89H1-102.26 nhãn hiệu Sirius màu đỏ-đen của H chở H và K mang theo bao tải, đi đường bờ sông Hòa Bình đến gia đình anh Nguyễn Thế M2 ở thôn C2, xã T12, huyện P thì K nói T2 dừng xe để K và H đi bộ vào

chuồng nuôi gà của bà Nông Thị C1 (bà C1 là mẹ vợ anh M2 nuôi nhờ gà trong khu chăn nuôi của gia đình anh M2). Do chuồng gà không khóa nên H, K vào trong chuồng và bắt được 06 con gà trống, loại gà lai Đông Tảo rồi cho vào bao tải mang ra vị trí T2 đứng đợi. T2 điều khiển xe chở K, H mang bao tải đựng gà vừa bắt được đến nhà bà Doãn Thị T11 (vợ ông Nguyễn Duy K2) ở thôn Đ2, xã Đ3, huyện P cân tịnh 06 con gà được tổng khối lượng là 17 kg và bán số gà này cho bà T11 được 1.700.000 đồng chia nhau. Trong đó H và K mỗi người được chia 600.000 đồng, còn T2 được chia 500.000 đồng nhưng H cầm tất và trừ vào việc T2 đi xe mô tô của H lần 2 quay lại khu nhà anh M2 trộm cắp bị người dân đuổi, T2 vất xe mô tô của H lại và bị Công an thu giữ.

Sau khi bán gà cho bà T11 xong, T2 tiếp tục điều khiển xe mô tô chở H, K quay lại vị trí chuồng gà nhà bà C1 để tiếp tục bắt trộm gà. Tuy nhiên khi các đối tượng đến gần chuồng gà thì bị gia đình bà C1 cùng nhân dân phát hiện, truy đuổi. T2 vất bỏ lại xe mô tô biển số 89H1-102.26 tại lề đường và cùng H, K bỏ chạy. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe trên.

Tại kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐ ngày 21/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 17 kg gà, gồm 06 con gà trống, loại gà lai Đông Tảo, tính tại thời điểm ngày 04/02/2020 có giá trị là 2.380.000 đồng.

Vụ 4: Đêm ngày 01 sang ngày 02/3/2020, Bùi Văn H điều khiển xe mô tô biển số 34F1- 090.53 nhãn hiệu Sirius màu trắng-đen chở Nguyễn Văn K ngồi sau mang bao tải đi từ C4, xã Đ3, huyện P đến xã M1, huyện P để trộm cắp tài sản. Khi H và K đi đến chuồng chăn nuôi lợn của gia đình ông Đỗ Văn T9 ở thôn N, xã M1, huyện P thì K vào trong chuồng bắt trộm lợn còn H đứng ngoài quan sát, canh giới. K lần lượt bắt từng con lợn cho vào bao tải chuẩn bị sẵn rồi bê ra đưa cho H giữ và K, H đã bắt trộm được tổng số 03 con lợn giống màu trắng, trọng lượng khoảng 10kg/con và mang về bán cho ông Nguyễn Huy K2 ở thôn Đ2, xã Đ3, huyện P được 2.100.000 đồng, số tiền này H và K chia đôi mỗi người được 1.050.000 đồng để hưởng lợi.

Tại kết luận định giá tài sản số: 11/KL-ĐG ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 03 (ba) con lợn giống, có lông màu trắng, trọng lượng 10kg/con, tại thời điểm ngày 02/3/2020 có giá trị là 6.750.000 đồng.

Vụ 5: Tối ngày 16/3/2020, Bùi Văn H điều khiển xe mô tô biển số 34F1-090.53 chở Nguyễn Đăng T14, sinh năm 1989 ở thôn H3, xã Đ, huyện P và mang theo kìm cộng lực, vợt, bao tải đi từ cầu An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên về huyện Phù Cừ và H gọi điện rủ Nguyễn Văn K cùng đi trộm cắp tài sản. Cả 3 người hẹn gặp nhau tại khu vực bệnh viện cũ thuộc thôn Đ4, xã Đ, huyện P; tại đây 03 người bàn bạc đi trộm cắp tài sản tất cả đồng ý. T14 điều khiển xe mô tô của H chở H, còn K đi xe máy của mình. Khi 03 người đi đến địa phận thôn A1, xã T10, huyện P quan sát thấy dưới chân đê có ánh điện từ khu vực chuồng chăn nuôi. H nói với T14 và K dừng lại, đứng trên mặt đê quan sát, canh giới để H xuống xem có gì lấy được không. H đi bộ thẳng xuống khu vực chuồng lợn nhà ông Phạm Văn T16 ở thôn A1, xã T10, huyện P thấy lợn nuôi trong chuồng có thể trộm cắp được nên H quay lại chỗ T14, K lấy kìm cộng lực,

bao tải, vớt và nói với T14, K là có lợn, H xuống bắt còn T14, K đứng trên đê cảnh giới. Khi vào đến cửa chuồng lợn, H dùng kim cộng lực mang theo bẫy ổ khóa cửa làm bung ổ khóa. Quá trình quan sát, H phát hiện một máy quay camera màu trắng đặt trong chuồng lợn. Để tránh bị phát hiện, H đeo khẩu trang và tháo máy quay camera cho vào túi áo mưa của H. Một tay H vành miệng bao tải, tay còn lại H đẩy mông 01 con lợn màu trắng khoảng 40 kg vào trong bao tải và bê con lợn ra chỗ T14, K đang đứng đợi. Lúc này K quan sát thấy H bê lợn ra nên lại gần cùng khênh bao tải bên trong có con lợn cùng với H. Khi H, K vừa đến mép chân đê thì bị nhân dân phát hiện, hô hoán “trộm, trộm”. H, K, T14 liền vớt lại tại hiện trường 01 con lợn, 01 kim cộng lực, 01 chiếc vớt, 01 bao tải và chạy lên mặt đê lấy xe bỏ trốn thoát. Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng trên và tiến hành cân tịnh con lợn nặng 37 kg. Quá trình điều tra, H đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan điều tra 01 máy quay camera loại 360 độ, màu trắng, bên trong có dòng chữ MI, trong máy quay có thẻ nhớ loại 64Gb mà H trộm cắp trong chuồng lợn của gia đình ông T16.

Tại Kết luận định giá số: 07/KL-HĐ ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 con lợn, loại lợn giống cái có trọng lượng 37 kg, tính tại thời điểm ngày 17/3/2020 có giá trị 3.071.000 đồng; 01 máy quay camera loại 360 độ, màu trắng, bên trong có dòng chữ MI, trong máy quay có thẻ nhớ loại 64Gb, tính tại thời điểm ngày 17/3/2020 có giá trị 690.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.761.000 đồng.

Đối với Nguyễn Đăng T14 hiện đang bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 15/7/2020 cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố bị can đồng thời ra quyết định truy nã đối với T14. Hết thời hạn điều tra, việc truy nã T14 chưa có kết quả, nên cơ quan điều tra đã tạm đình chỉ vụ án đối với bị can Nguyễn Đăng T14, tách hồ sơ vụ án, khi nào bắt được sẽ điều tra, xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Huy K2 và bà Doãn Thị T11: Quá trình điều tra, ông K2, bà T11 thừa nhận việc mua lợn, gà và ngan của các đối tượng trên nhưng khi giao dịch mua bán đều khẳng định không biết nguồn gốc các tài sản do các đối tượng phạm tội mà có.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Bùi Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, 03 xe mô tô đã qua sử dụng kèm giấy đăng ký xe (gồm: Xe Sirius màu đỏ, đen biển số 89H1-102.26; xe Wave ZX màu trắng biển số 89E1-680.71 và xe Sirius màu đen, trắng biển số 34F1-090.53); 01 kim cộng lực, 01 chiếc vớt, 01 bao tải.

Đối với 01 máy quay camera thu giữ của Bùi Văn H xác định là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn T9, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T9; ngày 30/3/2020 bà T11 tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 con gà trống duy nhất còn lại, xác định là gà của bà Nông Thị C1 nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C1.

Đối với xe mô tô mà Nguyễn Văn K sử dụng để đi trộm cắp vào đêm 16 sang ngày 17/3/2020 xác định là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Xuân T15, sinh năm 1970 (anh trai K), việc K tự tiện sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản anh T15 hoàn toàn không biết, nên cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe của anh T15.

Đối với xe máy điện mà Nguyễn Văn K sử dụng vào đêm mùng 10 sang ngày 11/01/2020, sau đó K đã bán xe cho người không rõ tên tuổi địa chỉ, nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn K1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.570.000 đồng. Bà Nông Thị C1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.380.000 đồng. Ông Đỗ Văn T9 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 6.750.000 đồng. Ông Phạm Văn T16 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu phần bồi thường dân sự.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKSPC ngày 04 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K (T), Nguyễn Văn T2 và Trần Văn C về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T2 và Trần Văn C theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 47; Điều 48 BLHS chung cho 04 bị cáo; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với H; áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với K; áp dụng thêm điểm b, h, i khoản 1 Điều 51 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với T2, C. Áp dụng thêm Điều 38 BLHS đối với H; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 587, 589, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Bùi Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ.

- Bị cáo Nguyễn Văn K (T) từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Bị cáo Trần Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

Các bị cáo đều không có việc làm ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc các bị cáo H, K, C liên đới bồi thường cho ông K1- 5.380.000 đồng giá trị 76 kg ngan; chia theo phần: H 2.000.000 đồng, K 2.000.000 đồng, C 1.380.000 đồng. Bị cáo K phải bồi thường riêng cho ông K1 trị giá 75kg ngan là 5.250.000 đồng, cộng phần của K phải bồi thường cho ông K1- 2 khoản là 7.250.000 đồng.

- Buộc các bị cáo H, K, T2 liên đới bồi thường cho bà C1- 2.380.000 đồng; chia theo phần: H 900.000 đồng, K 900.000 đồng, T2- 580.000 đồng.

- Buộc bị cáo K và H phải bồi thường cho ông T9- 6.750.000 đồng; chia theo phần: K bồi thường 3.375.000 đồng, H bồi thường 3.375.000 đồng.

Biện pháp tư pháp: - Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại Iphone 6s Plus cũ và 01 xe mô tô biển số 89E1-680.71, nhãn hiệu Wave ZX màu trắng đã cũ.

- Tịch thu của bị cáo H 01 xe mô tô biển số 89H1-102.26 nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen đã cũ và 01 xe mô tô biển số 34F1-090.53 nhãn hiệu Sirius màu đen, trắng đã cũ (02 chiếc xe này bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội).

Ngoài ra, đại diện VKSND huyện Phù Cừ còn đề nghị xử lý vật chứng khác, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T2, Trần Văn C đều nhận tội, khai báo thành khẩn diễn biến từng lần phạm tội đúng như hành vi phạm tội của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố theo nội dung cáo trạng. Cả 4 bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, bị cáo T2, C xin được cải tạo tại địa phương. Bị cáo H đề nghị xin được nhận lại chiếc điện thoại Iphone 6s Plus và 01 xe mô tô biển số 89E1-680.71, nhãn hiệu Wave ZX màu trắng (đều đã cũ) do không sử dụng vào việc phạm tội. Đối với 01 con gà bà C1 đã được nhận lại, các bị cáo H, K, T2 tự nguyện bồi thường toàn bộ giá trị 6 con gà đã chiếm đoạt, không đề nghị trừ giá trị 01 con gà bà C1 đã nhận lại.

Các bị hại có mặt gồm: Ông Trần Văn K1, ông Đỗ Văn T9, ông Phạm Văn T16 đều đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật. Các ông K1, T9 đều yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản của các ông bị chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản. Ông T16 xác định tài sản bị trộm cắp đã nhận lại đầy đủ nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cừ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của Bùi Văn H, Nguyễn Văn K, Trần Văn C và Nguyễn Văn T2 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trước cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhau.

Lời khai của các bị cáo H, K, C phù hợp với đơn trình báo và lời khai của ông Trần Văn K1 là bị hại trong vụ trộm cắp ngan (vụ 1 và vụ 2), biên bản xác định vị trí, sơ đồ, bản ảnh hiện trường vụ trộm cắp ngan của ông K1 đêm ngày 10 sang ngày 11/02/2020 (B1 204- 216), biên bản và kết luận định giá tài sản trong vụ trộm cắp ngan của ông K1 (B1 218- 221) và lời khai của ông Nguyễn Huy K2 là người mua ngan (B1 404- 405).

Lời khai của các bị cáo H, K, T2 phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bà Nông Thị C1 là bị hại trong vụ trộm cắp 06 con gà lai Đông Tảo (vụ 3) và

biên bản quản lý phương tiện xe mô tô biển số 89H1- 102.26 nhãn hiệu Sirius màu đỏ- đen của H do Tuấn điều khiển vấp lại ở hiện trường khi bị hại và nhân dân phát hiện truy đuổi (B1 169, 170, 180, 186- 191), lời khai của anh Nguyễn Thế M2 (con rể bà C1) là người làm chứng (B1 175, 182- 183), biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường vụ trộm cắp gà của bà C1 đêm ngày 03 sang ngày 04/02/2020 (B1 192- 193), lời khai của bà Doãn Thị T11 là người mua gà (B1 409) và biên bản, kết luận định giá tài sản trong vụ trộm cắp gà của bà C1 (B1 200- 201).

Lời khai của các bị cáo H và K phù hợp với đơn đề nghị và lời khai của ông Đỗ Văn T9 là bị hại trong vụ trộm cắp 03 con lợn giống (vụ 4), biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ trộm cắp lợn của ông T9 đêm ngày 01 sang ngày 02/3/2020 (B1 224- 229), biên bản và kết luận định giá tài sản trong vụ trộm cắp lợn của ông T9 (B1 235- 238) và lời khai của ông Nguyễn Huy K2 là người mua lợn (B1 404- 405, 408).

Lời khai của các bị cáo H, K phù hợp với đơn trình báo và lời khai của ông Phạm Văn T16 là bị hại trong vụ trộm cắp 01 con lợn + 01 máy quay camera 360° (vụ 5); biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, biên bản cân tịnh 01 con lợn vụ trộm cắp lợn của ông T16 đêm ngày 16/3/2020 (B1 125- 138, 140- 141, 152- 155,), biên bản và kết luận định giá tài sản trong vụ trộm cắp lợn của ông T16 (B1 164- 165) .

Đánh giá các tài liệu chứng cứ trên cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/01/2020 đến ngày 17/3/2020 trên địa bàn các xã Đ2, M1, T12 và T10 thuộc huyện P, tỉnh Hưng Yên; các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K, Trần Văn C, Nguyễn Văn T2 và đối tượng Nguyễn Đăng T14 (đang bị truy nã) đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản. Trong đó, Nguyễn Văn K tham gia 5 vụ; Bùi Văn H tham gia 4 vụ; Trần Văn C và Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo tham gia 01 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

- Vụ 1: Đêm ngày 10 sang ngày 11/01/2020 tại khu chăn nuôi của gia đình ông Trần Văn K1 ở thôn Đ1, xã Đ3, huyện P, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Nguyễn Văn K lợi dụng đêm tối đã một mình lén lút chiếm đoạt của ông Trần Văn K1 75 kg ngan trị giá 5.250.000 đồng mang đi bán được 3.000.000 đồng hưởng lợi cá nhân.

- Vụ 2: Cùng trong đêm ngày 10 sang ngày 11/01/2020 tại khu chăn nuôi của gia đình ông Trần Văn K1 ở thôn Đ1, xã Đ2, huyện P, Hưng Yên, các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Văn H và Trần Văn C có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Trần Văn K1- 76 kg ngan trị giá 5.380.000 đồng mang đi bán được 3.100.000 đồng chia nhau, H được 1.100.000 đồng, K và C mỗi người 1.000.000 đồng, riêng phần của C do H nhận để trừ vào khoản tiền trước đó C nợ của H.

- Vụ 3: Đêm ngày 03 sang ngày 04/02/2020 tại khu chuồng gà của gia đình anh Nguyễn Thế M2 ở thôn C2, xã T12, huyện P, tỉnh Hưng Yên, lợi dụng đêm tối các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Văn H và Nguyễn Văn T2 có hành vi lén lút chiếm đoạt 06 con gà lai Đông Tảo, tổng khối lượng 17 kg trị giá 2.380.000 đồng của bà Nông Thị C1 đem bán được 1.700.000 đồng chia nhau, K và H mỗi người 600.000 đồng, T2 được 500.000 đồng nhưng H cầm tất vì T2 đi xe mô tô của H vấp lại bị cơ quan điều tra thu giữ.

- Vụ 4: Đêm ngày 01 sang ngày 02/3/2020 tại khu chăn nuôi của gia đình anh Đỗ Văn T9 ở thôn N, xã M1, huyện P, tỉnh Hưng Yên, 02 bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Văn H đã lén lút chiếm đoạt của ông T9- 03 con lợn giống (10kg/con) trị giá 6.750.000 đồng mang bán được 2.100.000 đồng, K và H chia đôi mỗi bị cáo được hưởng 1.050.000 đồng.

- Vụ 5: Đêm ngày 16/3/2020 tại khu chăn nuôi của gia đình ông Phạm Văn T16 ở thôn A1, xã T10, huyện P, tỉnh Hưng Yên, các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K và đối tượng Nguyễn Đăng T14 có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 con lợn khối lượng 37 kg trị giá 3.071.000 đồng và 01 máy quay camera 360° trị giá 690.000 đồng, cộng bằng 3.761.000 đồng của gia đình ông T16. Tuy nhiên các đối tượng bị chủ sở hữu phát hiện truy đuổi nên đã thả lợn của ông T16 và giao nộp máy quay camera 360° cho cơ quan điều tra trả lại chủ sở hữu.

[3]. Các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K, Trần Văn C và Nguyễn Văn T2 đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi lợi dụng đêm tối chiếm đoạt tài sản của các bị cáo như phân tích ở phần trên đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 23.461.000 đồng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên truy tố 04 bị cáo H, K, T2, C về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[4]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội tại nhiều địa phương các xã trong địa bàn huyện Phù Cù, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản. Chỉ trong một thời gian ngắn, lợi dụng đêm tối các bị cáo H, K đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, chủ yếu là các sản phẩm của người nông dân vất vả mới làm ra được, nhưng đã bị cáo bị cáo chiếm đoạt mất thành quả lao động của họ để mang bán lấy tiền chia nhau hưởng lợi cho cá nhân mình nhưng gây thiệt hại cho các chủ sở hữu. Ngoài vai trò khởi xướng, thực hiện hành vi trộm cắp tích cực của H và K trong từng lần phạm tội cụ thể, các bị cáo còn rủ rê thêm T2, C cùng tham gia thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, áp dụng cho các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và vai trò của từng bị cáo trong vụ án để trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với mỗi bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét vai trò, trách nhiệm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo cụ thể sau đây.

- Bị cáo Nguyễn Văn K: Thực hiện 5 lần trộm cắp tài sản, mà mỗi lần đều đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm; tổng giá trị tài sản chiếm đoạt K phải chịu trách nhiệm là 23.461.000 đồng. Trong 5 lần trộm cắp tài sản, bị cáo K là người khởi xướng 03 lần (vụ 1, 2, 3) và là người thực hành tích cực trong 4 vụ (vụ 1,2,3,4).

- Bị cáo Bùi Văn H: Thực hiện 4 lần trộm cắp tài sản, mà mỗi lần đều đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm; tổng giá trị tài sản chiếm đoạt H phải chịu trách nhiệm là 18.211.000 đồng. Trong 4 lần trộm cắp tài sản, bị cáo H là người khởi xướng 02 lần (vụ 4, 5) và là người thực hành tích cực trong cả 4 vụ (vụ 2,3,4,5).

- Bị cáo Trần Văn C: Đồng phạm thực hiện 1 lần trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt C phải chịu trách nhiệm là 5.320.000 đồng. Trong vụ trộm cắp bị cáo tham gia do được bị cáo H rủ rê để lấy tiền trả nợ cho H và bị cáo chỉ giữ vai trò đứng ngoài cảnh giới và có tham gia cùng H bắt được 01 bao ngan trong lúc K chở 02 bao ngan về nhà ông K2.

- Bị cáo Nguyễn Văn T2: Đồng phạm thực hiện 1 lần trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt T2 phải chịu trách nhiệm là 2.380.000 đồng. Trong vụ trộm cắp bị cáo tham gia do được bị cáo H rủ rê và bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức, đứng ngoài cảnh giới, được chia 500.000 đồng nhưng H bắt đền vào tiền vất lại xe mô tô của H nên bị cơ quan điều tra thu giữ.

Do bị cáo K thực hiện 5 lần trộm cắp tài sản và bị cáo H thực hiện 4 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm, nên 02 bị cáo K và H đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên”, theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: 04 bị cáo trong vụ án trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn, nên đều có tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trước khi mở phiên tòa: Bị cáo K nhờ anh trai nộp hộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ 7.200.000 đồng, bị cáo C nhờ bố đẻ nộp hộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ 1.000.000 đồng và bị cáo T2 tự nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ 500.000 đồng để thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại, 3 bị cáo K, T2, C đều được hưởng tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo T2, C nhân thân không có tiền án, tiền sự; hai bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giúp sức, giá trị tài sản chiếm đoạt trong từng vụ các bị cáo tham gia gây thiệt hại không lớn, nên 2 bị cáo T2 và C đều có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo K sau phạm tội (vụ 5) đã ra đầu thú, có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, nên K có thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo H và K có nhân thân xấu, đều phạm tội nhiều lần và đều giữ vai trò khởi xướng, chủ mưu, thực hành tích cực trong các vụ trộm cắp tài sản tham gia, nên cần phải áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác và cần phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Các bị cáo T2, C nhân thân không có tiền án, tiền sự; vai trò tham gia trong vụ án là thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình, chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc làm, không có nguồn thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với cả 4 bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phạm tội đã chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại cho bị hại nên phải chịu trách nhiệm bồi thường. Do các bị cáo và bị hại không tự thỏa thuận được phần bồi thường thiệt hại, nên áp dụng các quy định của pháp luật để tính toán và phân chia mức bồi thường cho từng bị cáo tương ứng với vai trò, trách nhiệm và phần lỗi của từng bị cáo trong từng vụ trộm cắp cụ thể như sau:

- Đối với bị hại ông Trần Văn K1:

Các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K và Trần Văn C phải liên đới bồi thường cho ông K1 giá trị 76 kg ngan là 5.380.000 đồng. Chia theo phần: H phải bồi thường 2.000.000 đồng; K phải bồi thường 2.000.000 đồng; C phải bồi thường 1.380.000 đồng. Riêng bị cáo K phải độc lập bồi thường cho ông K1 giá trị 75 kg ngan là 5.250.000 đồng, cộng phần phải bồi thường 02 khoản cho ông K1 là 7.250.000 đồng.

- Đối với bị hại bà Nông Thị C1:

Các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T2 phải liên đới bồi thường cho bà C1 giá trị 06 con gà lai Đông Tảo là 2.380.000 đồng. Chia theo phần: H phải bồi thường 900.000 đồng; K phải bồi thường 900.000 đồng; T2 phải bồi thường 580.000 đồng.

- Đối với bị hại ông Đỗ Văn T9:

02 bị cáo Bùi Văn H và Nguyễn Văn K phải liên đới bồi thường cho ông T9 giá trị 03 con lợn là 6.750.000 đồng. Chia theo phần: H phải bồi thường 3.375.000 đồng và K phải bồi thường 3.375.000 đồng.

- Riêng vụ trộm cắp tài sản là 01 con lợn và 01 camera 360° của ông Phạm Văn T16 do ông T16 đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên bản án không đề cập giải quyết.

Ghi nhận các bị cáo đã nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ để thực hiện bồi thường thiệt hại, số tiền từng bị cáo nộp cụ thể như sau: K nộp 7.200.000 đồng; C nộp 1.000.000 đồng; T2 nộp 500.000 đồng.

[8]. Biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus đã sử dụng và 01 xe mô tô biển số 89E1-680.71, nhãn hiệu Wave ZX màu trắng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo H, kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh liên quan việc phạm tội nên giao trả lại cho bị cáo Bùi Văn H.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 89H1-102.26 nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen đã qua sử dụng và 01 xe mô tô biển số 34F1-090.53 nhãn hiệu Sirius, màu đen-trắng đã qua sử dụng thu của bị cáo H, các xe mô tô này bị cáo H và đồng phạm đã sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

Giấy đăng ký của xe mô tô nào sẽ được xử lý kèm theo chiếc xe mô tô đó.

- 01 chiếc vợt, 01 kìm cộng lực, 01 bao tải thu giữ trong vụ trộm lợn của ông Phạm Văn T16 là công cụ bị cáo H thực hiện tội phạm bỏ lại khi bị truy đuổi, các đồ vật này không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án và bồi thường thiệt hại tài sản nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K (T), Nguyễn Văn T2 và Trần Văn C đều phạm Tội trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ (*từ ngày 25/3/2020 đến ngày 03/4/2020*), bị cáo H còn phải chấp hành hình phạt là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày thi hành bản án này.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K (T) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày thi hành án.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2- 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/11/2020.

Giao Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/11/2020.

Giao Trần Văn C cho Ủy ban nhân dân xã P1, huyện P, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 4 bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 589, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K (T), Trần Văn C phải liên đới bồi thường cho ông Trần Văn K1, sinh năm 1971; trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện P, tỉnh Hưng Yên giá trị 76 kg ngan là 5.380.000đ, (Năm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Chia theo phần: H phải bồi thường 2.000.000đ, (hai triệu đồng); K (T) phải bồi thường 2.000.000đ, (hai triệu đồng); C phải bồi thường 1.380.000đ, (một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Buộc riêng bị cáo Nguyễn Văn K (T) phải độc lập bồi thường cho ông Trần Văn K1 giá trị 75 kg ngan là 5.250.000đ, (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), cộng phần của bị cáo K (T) phải bồi thường 02 khoản cho ông K1 là 7.250.000đ, (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K (T), Nguyễn Văn T2 phải liên đới bồi thường cho bà Nông Thị C1, sinh năm 1961; trú tại: Thôn T7, thị trấn T8, huyện P, tỉnh Hưng Yên giá trị 06 con gà lai Đông Tảo là 2.380.000đ, (hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Chia theo phần: H phải bồi thường 900.000đ, (chín trăm nghìn đồng); K (T) phải bồi thường 900.000đ, (chín trăm nghìn đồng); T2 phải bồi thường 580.000đ, (năm trăm tám mươi nghìn đồng).

- Buộc 02 bị cáo Bùi Văn H và Nguyễn Văn K (T) phải liên đới bồi thường cho ông Đỗ Văn T9, sinh năm 1979; trú tại: Thôn N, xã M1, huyện P, tỉnh Hưng Yên giá trị 03 con lợn là 6.750.000đ, (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Chia theo phần: H phải bồi thường 3.375.000đ, (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và Nguyễn Văn K (T) phải bồi thường 3.375.000đ, (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn K (T) đã nộp số tiền 7.200.000đ, (bảy triệu hai trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Xuân T13 nộp hộ, theo biên lai thu tiền số: 003247 ngày 10/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Ghi nhận bị cáo Trần Văn C đã nộp số tiền 1.000.000đ, (một triệu đồng) do ông Trần Văn H2 nộp hộ, theo biên lai thu tiền số: 003244 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T2 đã nộp số tiền 500.000đ, (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 003246 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền bồi thường thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus đã sử dụng và 01 xe mô tô biển số 89E1-680.71, nhãn hiệu Wave ZX màu trắng đã qua sử dụng.

- Tịch thu 01 xe mô tô biển số 89H1-102.26 nhãn hiệu Sirius, màu đỏ-đen đã qua sử dụng và 01 xe mô tô biển số 34F1-090.53 nhãn hiệu Sirius, màu đen-trắng đã qua sử dụng, cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

Giấy đăng ký của xe mô tô nào sẽ được xử lý kèm theo chiếc xe mô tô đó.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếc vợt, 01 kim cộng lực, 01 bao tải.

(Chi tiết về số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng nêu trên được mô tả cụ thể theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2020 giữa Công an huyện Phù Cừ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ).

Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 313.750đ, (ba trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn K (T) phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn T2 phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt 4 bị cáo và 3 bị hại (các ông K1, T9, T16), vắng mặt 1 bị hại (bà C1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông K2, bà T11). Đã báo cho các bị cáo và bị hại có mặt biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án vắng mặt biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- CQĐT & VP CA huyện Phù Cừ;
- Cơ quan THA hình sự & THA dân sự huyện Phù Cừ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hiền

